

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị Ngọc D**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Phú 3, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Công Q**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Công Q thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long

vào ngày 14/5/2014. Thời gian chung sống được 07 năm, lúc đầu sống hạnh phúc, càng về sau thì sống không hạnh phúc do không hợp nhau nên không thể chung sống với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Công Q.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Công L, sinh ngày 19/3/2014 và Dương Công T, sinh ngày 15/10/2018 hiện đang sống chung với anh Q. Chị giao con cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 02/6/2021, người làm chứng bà Phạm Thị Ngọc H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Q, giữa anh Q và chị D thành hôn năm 2014. Sau khi thành hôn thì vợ chồng của anh Q sống tại nhà bà, sau đó anh Q đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, bà nghe chị D nói anh Q đuổi chị đi nhưng chỉ nói qua điện thoại, bà có khuyên ngăn nhưng chị D vẫn bỏ đi. Hiện anh Q đang đi làm ăn xa, các lần nhận văn bản tố tụng của Tòa án bà có báo cho anh Q biết nhưng do bận việc làm ăn nên anh Q không về tham gia tố tụng được. Về con chung thì anh Q và chị D có 02 con chung tên Dương Công L và Dương Công T hiện đang sống với anh Q và gia đình bà, hai cháu vẫn phát triển bình thường, anh Q đủ điều kiện để chăm sóc hai cháu. Về tài sản chung, nợ chung thì bà không biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D, xử cho chị D ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao 02 con chung tên Dương Công L, sinh ngày 19/3/2014 và Dương Công T, sinh ngày 15/10/2018 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lưu Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Dương Công Q cư trú tại ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Lưu Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt ngày 21/6/2021, bị đơn anh Dương Công Q được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Phạm Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lưu Thị Ngọc D và anh Dương Công Q thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 vào ngày 14/5/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Q là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị D và anh Q thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau và chị D đã bỏ nhà chồng đi, gia đình bên chồng cũng có khuyên ngăn nhưng không được và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh Q vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị D và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Dương Công L, sinh ngày 19/3/2014 và Dương Công T, sinh ngày 15/10/2018 hiện đang sống trực tiếp với anh Q, cuộc sống cũng đảm bảo, cháu L có nguyện vọng muốn sống chung với anh Q. Chị D giao con cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con

và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lưu Thị Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị Ngọc D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lưu Thị Ngọc D. Xử cho chị D ly hôn với anh Dương Công Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Dương Công L, sinh ngày 19/3/2014 và Dương Công T, sinh ngày 15/10/2018 cho anh Dương Công Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lưu Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lưu Thị Ngọc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lưu Thị Ngọc D nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu số 0016825 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 14/6/2014);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An